

VAI TRÒ KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG NẮM GIỮ CÔNG NGHỆ NGUỒN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● **LẠI TRẦN TÙNG¹ - VŨ ĐÌNH THUẬN¹**

¹Học Viện Kỹ thuật Quân sự, Bộ Quốc Phòng

DOI: 10.62831/nckh.2026.138.v1

TÓM TẮT:

Làm chủ công nghệ chiến lược trên cơ sở nắm giữ công nghệ nguồn vừa là giải pháp phát triển kinh tế, vừa là nền tảng đảm bảo an ninh, quốc phòng trong kỷ nguyên cạnh tranh toàn cầu ở Việt Nam hiện nay. Thực tiễn ở Việt Nam đã chứng minh kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc nắm giữ công nghệ nguồn của kinh tế nhà nước vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Bài viết sử dụng một số phương pháp như phân tích, tổng hợp; thống kê so sánh; logic - lịch sử... để tổng hợp, lập luận dựa trên các dữ liệu thứ cấp đã tập trung làm rõ vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất một số giải pháp về vai trò kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: công nghệ nguồn, kinh tế nhà nước, lực lượng sản xuất mới, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam cần thực hiện yêu cầu "huy động mọi nguồn lực, khai thác mọi động lực" để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đặc biệt trước yêu cầu đặt ra về phát triển kinh tế, xã hội trong kỷ nguyên mới hiện nay. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nắm giữ công nghệ nguồn và hỗ trợ phát triển lực lượng sản xuất mới. Bởi vậy, cần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn, đề xuất giải pháp về vấn đề vai trò kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam là cần thiết hiện nay.

2. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam

2.1. Một số vấn đề lý luận về kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam

Công nghệ nguồn (Base Technology/Generic Technology) là những công nghệ nền tảng và có tính

ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Công nghệ nguồn được hình thành bắt đầu từ những nghiên cứu cơ bản, thông qua một quá trình nghiên cứu và phát triển dài hạn, sau đó được ứng dụng vào thực tế và dần trở thành nền tảng cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau.

Công nghệ nguồn được hình thành bắt đầu từ những nghiên cứu cơ bản, là kết quả của quá trình nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D). Theo khoản 5 Điều 3 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013: Nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. Trong đó, Chính phủ thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia để tài trợ, cấp kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí cho cả việc thực hiện nghiên cứu ứng dụng.

Vốn đầu tư phát triển công nghệ nguồn thường đòi

hồi kinh phí rất lớn, tính chất rủi ro, mạo hiểm cao và phát triển công nghệ nguồn gắn liền với hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Ở Việt Nam hiện nay, công nghệ nguồn là công nghệ cao (nếu là công nghệ cao được ưu tiên phát triển là công nghệ chiến lược) và nghiên cứu thành công công nghệ nguồn trong một lĩnh vực nào đó thì công nghệ nguồn có thể trở thành công nghệ lõi. Công nghệ nguồn có vai trò rất quan trọng, góp phần hình thành nên hệ thống lực lượng sản xuất mới, hiện đại ở Việt Nam hiện nay.

Kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định vĩ mô và bảo đảm an ninh, quốc phòng, kinh tế nhà nước sẽ dựa trên nền tảng bao gồm các nguồn lực do Nhà nước nắm giữ, quản lý và chi phối hoạt động, như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, các công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, đơn vị sự nghiệp công lập...

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nắm giữ các công nghệ nguồn ở Việt Nam hiện nay, bởi kinh tế nhà nước phải nắm giữ lĩnh vực then chốt và tiên phong trong lĩnh vực mới. Theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định: Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ.

Theo đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo tạo nên “đường băng” bằng sự kiến tạo, mở đường, dẫn dắt trong sử dụng, phân chia nguồn lực công nghệ nguồn cho các khu vực kinh tế khác ở Việt Nam, doanh nghiệp nhà nước là trung tâm trong hệ thống

đổi mới sáng tạo quốc gia để nâng cao trình độ, tiềm lực công nghệ quốc gia nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội.

Để có công nghệ nguồn mà kinh tế nhà nước nắm giữ, có thể thực hiện bằng các con đường cơ bản như:

Một là, thông qua ngân sách nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ nguồn.

Hai là, tiếp nhận chuyển giao công nghệ nguồn từ thị trường, bao gồm thị trường trong nước và nước ngoài.

2.2. Một số vấn đề thực tiễn về kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam

Trong thời gian qua, kinh tế nhà nước đã tiên phong kiến tạo, dẫn dắt, mở đường trong nghiên cứu và phát triển công nghệ nguồn. Chính phủ ban hành Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, theo nghị quyết này, nội dung ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó chi cho đầu tư phát triển chủ yếu. Nghị quyết 20-NQ/TW năm 2012, Luật Khoa học và Công nghệ 2013, mục tiêu ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ cũng đã được nhắc lại nhiều lần và Nghị quyết 57-NQ/TW tiếp tục duy trì và nâng cao yêu cầu “hướng tới 2% GDP cho R&D tổng thể và ít nhất 3% tổng chi ngân sách cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo”. Tuy nhiên, tỷ lệ chi chi dao động quanh mức 1%, năm cao nhất cũng chỉ tiệm cận khoảng 1,8% nhưng vẫn chưa đạt ngưỡng đề ra trong những năm gần đây.

Bởi vậy, bản thân ngân sách nhà nước - nguồn lực chủ động nhất trong phát triển công nghệ, công nghệ nguồn còn chưa thực hiện được mục tiêu đề ra. Nguyên nhân theo các chuyên gia, vấn đề lớn nhất của Việt Nam hiện nay không nằm ở định hướng hay chiến lược, mà nằm ở thực tiễn phát triển. Ví dụ, việc giải ngân kinh phí nghiên cứu khoa học bị ách tắc do quy trình hành chính, kế toán và kiểm soát nội bộ, chỉ cần một khâu không thông suốt, cả đề tài có thể bị đình trệ. Ngoài ra, tỷ lệ giải ngân của nhiều quỹ hỗ trợ khoa học công nghệ (Quỹ phát triển khoa học công

nghe, Quỹ đổi mới sáng tạo; Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa...) vẫn ở mức thấp; Tâm lý e ngại rủi ro trong hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, khiến nhiều người vẫn e dè, không dám mạnh dạn giải ngân”...

Đồng thời với chính sách chi ngân sách, Việt Nam cũng có nhiều cơ chế như ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, tiền thuê đất... nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động này còn khá hạn chế, các ưu đãi chưa đủ hấp dẫn, khó triển khai. Theo số liệu thống kê, mức chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của khu vực doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ khoảng 0,2% GDP, thấp hơn rất nhiều so với nhiều quốc gia khác. Tổng chi quốc gia cho nghiên cứu và phát triển khoảng 0,4% GDP, chỉ nhỉnh hơn một số ít nước như Philippines¹.

Thứ nhất, các doanh nghiệp nhà nước dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghệ nguồn. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, trong những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu ý thức việc đầu tư cho hoạt động R&D sẽ giúp cho doanh nghiệp làm chủ công nghệ nhập khẩu cũng như bắt tay vào việc nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đã thành lập các bộ phận R&D, như: Viện Nghiên cứu Dầu khí (thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam), Viện Nghiên cứu Cao su (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam), Viện Nghiên cứu và Phát triển Viettel (thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội)..

Trong đó, điển hình là các tập đoàn kinh tế như: Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT) - một doanh nghiệp công nghệ hàng đầu của cả nước, đã và đang chủ động và tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Tập đoàn Công nghiệp viễn thông quân đội Viettel hiện nay đang tập trung vào những lĩnh vực tiên tiến nhất của mạng lõi 5G với những công nghệ đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe, hứa hẹn sẽ tạo ra thêm nhiều sáng chế và tri thức mới trong giai đoạn tới và dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Viettel được đầu tư lớn với định hướng phục vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm quân sự, dân

sự và lưỡng dụng và là hạ tầng quan trọng cho chiến lược công nghiệp công nghệ cao cũng như nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của Viettel, phù hợp chủ trương và định hướng của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

Thứ hai, doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận chuyển giao công nghệ nguồn từ thị trường. Trong thời gian qua, nhà nước đã ban hành cơ chế, chính sách để huy động công nghệ nguồn, theo đó công nghệ nguồn đã được huy động từ đa dạng hóa hình thức, phương thức chuyển giao và từ nhiều nguồn khác nhau, thị trường trong nước hoặc nước ngoài.

Công nghệ nguồn mà doanh nghiệp nhà nước nắm giữ, nguồn trong nước đã được huy động chuyển giao từ các cá nhân có ý tưởng công nghệ, doanh nghiệp; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ; tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thông qua quá trình thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước...; nguồn ngoài nước được huy động từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu từ các tập đoàn đa quốc gia (MNC).

Tuy nhiên, quá trình chuyển giao công nghệ nói chung và chuyển giao công nghệ nguồn còn gặp phải những thách thức pháp lý và các vấn đề thực tiễn như: Chênh lệch trình độ công nghệ giữa các chủ thể tham gia chuyển giao; Rào cản pháp lý về sở hữu trí tuệ, thủ tục hành chính và quy định đầu tư; Năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp trong nước; mức độ liên kết của các chủ thể trong phát triển công nghệ nguồn².

3. Đề xuất một số giải pháp về kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn ở Việt Nam

Để nhà nước thực hiện tốt vai trò kinh tế nhà nước nắm giữ công nghệ nguồn, Việt Nam cần có các giải pháp khơi thông nguồn lực, đẩy mạnh nghiên cứu và làm chủ khoa học công nghệ; lấy đổi mới sáng tạo để tạo động lực phát triển đột phá và tham gia sâu rộng, hiệu quả vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia... Theo đó, trên cơ sở tiếp tục phát triển chương trình đầu tư, phát triển quốc gia về công nghệ chiến lược; phát triển hệ sinh thái công nghệ; phát triển và hoàn thiện hạ tầng số và công nghiệp; có cơ chế tài chính đột phá, đầu tư đủ lớn cho nghiên cứu phát triển công nghệ chiến lược; thu hút và trọng dụng nhân tài... cần thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần nhận thức rõ về đầu tư phát triển công nghệ nguồn từ nguồn vốn hỗ trợ từ Nhà nước. Trong đó, đầu tư này có thể thất bại, phải chấp nhận những rủi ro nhất định bởi nghiên cứu khoa học chính là thử nghiệm, mà đã thử chưa chắc thành công, nhưng nếu không bắt đầu, thì không bao giờ có kết thúc. Do đó, các cơ quan quản lý Nhà nước phải là người dẫn dắt, tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp thuận lợi, Nhà nước ngoài chức năng giống như là “bà đỡ” cần phải tiên phong đi đầu trong đầu tư mạo hiểm để lôi kéo mọi cá nhân, tổ chức khác cùng tham gia. Theo đó, cần thực hiện tốt các chính sách theo quan điểm Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68) nhằm giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý, tạo môi trường kinh doanh an toàn, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư và đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết số 68 đã ban hành nhấn mạnh việc không hình sự hóa các quan hệ kinh tế - dân sự và đã chỉ ra: đối với các sai phạm kinh tế, ưu tiên áp dụng biện pháp hành chính, dân sự và kinh tế; chỉ xử lý hình sự trong trường hợp nghiêm trọng và có ý. Đây là cơ sở để các tổ chức, cá nhân mạnh dạn, dám nghĩ, dám đầu tư vào lĩnh vực công nghệ nguồn. Song hành với Nghị quyết số 68, cần thực hiện nghiêm theo Nghị quyết 79-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (Nghị quyết 79). Có thể khẳng định, Nghị quyết 79 là cơ sở để xây dựng cơ chế vững chắc để bảo vệ những cán bộ dám nghĩ, dám đổi mới và dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời phân định rõ ràng giữa sai sót khách quan trong các quyết định theo cơ chế thị trường và các hành vi vi phạm pháp luật. Bởi theo quan điểm của Nghị quyết, công tác giám sát cần được hiện đại hóa, với việc đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước cần dựa trên các chỉ tiêu rõ ràng, phù hợp với thị trường. Đặc biệt, cần yêu cầu chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, kéo dài và không cần thiết, vốn gây ra tâm lý e ngại, tê liệt trong ra quyết định.

Thứ hai, tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nắm giữ công nghệ nguồn. Theo Nghị quyết 79, xác định rõ vai trò của Nhà nước phải

đóng vai trò chủ đạo trong đầu tư và quản lý trên tất cả các lĩnh vực và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước không chỉ hoạt động kinh doanh đơn thuần, mà còn phải cùng nhà nước kiến tạo phát triển, có trách nhiệm dẫn dắt, tạo đột phá trong những ngành, lĩnh vực then chốt của đất nước nói chung, trong đó có lĩnh vực công nghệ nguồn.

Tuy nhiên, cần phải huy động tất cả các nguồn lực cho phát triển công nghệ nguồn, trong đó có khu vực kinh tế tư nhân. Bởi Nghị quyết 68 mở rộng sự tham gia của doanh tư nhân vào các lĩnh vực chiến lược như công nghiệp quốc phòng, an ninh, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, hạ tầng năng lượng... Điều này phá bỏ rào cản “vùng cấm”, bởi các lĩnh vực chiến lược vốn trước đây chỉ dành cho doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, Nghị quyết 68 tiếp nối tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó Nghị quyết số 68 đã đưa ra các chính sách ưu đãi mạnh mẽ để doanh nghiệp tư nhân tham gia nền kinh tế số: Chi phí đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) được khấu trừ thuế lên tới 200%, tạo động lực cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số.

Để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nắm giữ công nghệ nguồn, cần thực hiện một số biện pháp:

Một là, nhà nước đồng hành cùng các doanh nghiệp phát triển công nghệ nguồn bằng cách tạo điều kiện thực tiễn cho các chủ thể nghiên cứu và phát triển công nghệ nguồn. Ví dụ, để khuyến khích phát triển ứng dụng AI, Nhà nước cần xây dựng các Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo (AI Data Center) và đầu tư nhằm tạo thành sân chơi cho các tổ chức, cá nhân phối kết hợp cùng nhau tận dụng các nguồn tài nguyên dữ liệu để khám phá trong lĩnh vực này;

Hai là, đổi mới phương thức quản trị của doanh nghiệp nhà nước. Giải pháp này quan trọng, cấp thiết bởi doanh nghiệp nhà nước không chỉ là lực lượng vật chất then chốt mà còn là công cụ điều tiết vĩ mô, giữ vai trò dẫn dắt và mở đường cho các lực lượng khác trong nắm giữ công nghệ nguồn. Từ thực tiễn hiện nay, yêu cầu cần phải cải cách căn bản thể chế quản trị doanh nghiệp nhà nước theo chuẩn mực thị

trường và thông lệ quốc tế; điểm cốt lõi cần tách bạch thực chất giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước phải áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế tốt, như khung quản trị của OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) và trước mắt một số doanh nghiệp nhà nước có thể thí điểm cơ chế thuê, tuyển dụng, bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Giám đốc (một cuộc "cách mạng" về tư duy nhân sự trong khu vực công mà từ trước đến nay, lãnh đạo doanh nghiệp thường được nhìn nhận như những "viên chức cao cấp" hơn là những "nhà quản trị kinh doanh và những người này phải chứng minh được năng lực thông qua các bản kế hoạch kinh doanh và cam kết chỉ số đánh giá hiệu quả công việc cụ thể - thực hiện theo một quy luật sòng phẳng của thị trường).

Ba là, cần tái cấu trúc chiến lược ngành, lĩnh vực và danh mục đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, doanh nghiệp nhà nước cần thực hiện nghiêm theo nguyên tắc đầu tư tập trung và chọn lọc. Bởi vậy, trong phát triển công nghệ nguồn, nguồn lực nhà nước phải được tập trung cho những ngành then chốt, có vai trò nền tảng, có khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa lớn đối với toàn bộ nền kinh tế (Hiện nay đó là các ngành, lĩnh vực như: năng lượng, hạ tầng chiến lược, tài chính - ngân hàng, công nghệ cao, logistics và một số lĩnh vực bảo đảm an ninh kinh tế quốc gia).

Bốn là, tăng cường chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp nhà nước và các khu vực kinh tế khác. Theo đó, cần tăng cường chuyển giao công nghệ nguồn từ khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù, công nghệ chiến lược phải xuất phát từ Nhà nước, nhưng việc nhận chuyển giao công nghệ có thể để tư nhân hoặc các tổ chức nước ngoài khác làm theo đặt hàng của Nhà nước, nếu doanh nghiệp, tổ chức nào có công nghệ với giá thấp hơn thì Nhà nước có thể mua.

Cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước - tư nhân và các khu vực kinh tế khác trong chuyển giao công nghệ nguồn. Trong kỷ nguyên mới, thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số, vượt qua bẫy thu nhập trung bình thì Việt Nam không thể thực hiện

được nếu chỉ dựa vào khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài FDI; mà cần phải tạo nên sự lớn mạnh của kinh tế tư nhân với những tập đoàn tư nhân lớn, có thương hiệu quốc gia, quốc tế. Đồng thời, tạo điều kiện cho cả kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân tiếp thu nguồn lực bên ngoài quan trọng để thúc đẩy quá trình hiện đại hóa như hấp thụ được công nghệ từ khu vực FDI và liên kết được vào chuỗi giá trị của khu vực này (cần nhân rộng mô hình thu hút FDI như thu hút Tập đoàn NVIDIA... với các triển khai dự án công nghệ chiến lược).

Đồng thời, cần tăng cường chuyển giao từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp tư nhân. Nghị quyết số 68 khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu nhằm khắc phục sự hạn chế về năng lực công nghệ và quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp tư nhân (Thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tiếp cận nền tảng số, phần mềm kế toán miễn phí và các chương trình đào tạo quản trị..).

Thứ ba, thiết lập cơ chế, chính sách hợp lý để kinh tế nhà nước có công nghệ nguồn nắm giữ. Cần tiếp tục đổi mới tư duy hơn nữa trong việc hoạch định chính sách phát triển, cũng như tầm quan trọng của khoa học, công nghệ. Theo đó, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phải được xây dựng và thực thi ở một tầm nhìn dài hạn, gắn với thị trường khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế. Các cơ quan quản lý nhà nước phải là người dẫn dắt, tạo điều kiện để các doanh nghiệp dễ tiếp cận với khoa học, công nghệ, phải thực sự là "bà đỡ" để khoa học, công nghệ thực sự đóng góp vai trò to lớn của mình đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó, cần thực hiện một số chính sách như:

Chính sách chuyển giao công nghệ chiến lược; Chính sách tích hợp các ưu đãi mạnh về thuế và vốn thông qua các quỹ đổi mới sáng tạo, đồng thời quy định rõ cam kết chuyển giao công nghệ từ nhà đầu tư quốc tế để thu hút nguồn lực khu vực FDI với chất lượng cao, mang công nghệ tiên tiến, hiện đại vào Việt Nam; Chính sách tăng cường kiểm soát chuyển giao công nghệ xuyên biên giới cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm an ninh công nghệ, đồng thời thúc đẩy xuất khẩu công nghệ Việt Nam.

Có cơ chế, chính sách ưu đãi ngộ vượt trội, linh hoạt nhằm thu hút các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ nguồn, công nghệ chiến lược (các chính sách này phải là các chính sách đãi ngộ đặc biệt, không gò bó theo ngạch, bậc, hệ số mà nên linh hoạt, cạnh tranh như: Vượt khung lương, nhà ở, môi trường làm việc, áp dụng quy trình rút gọn thủ tục đăng ký quốc tịch... để thu hút các chuyên gia hàng đầu về nước làm việc). Thu hút những cá nhân có kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm đặc biệt, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia (ví dụ như có thể nên xem xét xây dựng chính sách “Visa Talent” với quyền lợi được làm việc và sinh sống lâu dài, được tiếp cận tới các dịch vụ an sinh xã hội của Việt Nam).

Thứ tư, hình thành các nguồn lực nhằm phát triển công nghệ nguồn. Trước hết, cần thực hiện theo Nghị quyết 79 định hướng tái cơ cấu Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), hướng tới hình thành một quỹ đầu tư quốc gia. (Mô hình này cho phép Nhà nước chủ động, dẫn dắt và tiên phong đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề công nghệ mới, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, tương tự mô hình Temasek của Singapore - mô hình quản lý tài sản nhà nước thông qua một tập đoàn đầu tư vận hành như một công ty tư nhân).

Hình thành quỹ hỗ trợ để đưa những công nghệ chiến lược về Việt Nam nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mua lại các công ty công nghệ lõi của nước ngoài (Nhà nước nên có chiến lược giúp các công ty Việt

Nam mua lại các công ty nước ngoài có công nghệ lõi và mang nhân tài của họ về Việt Nam).

Hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm ở các địa phương thành phố, tỉnh; hình thành sàn giao dịch và trung tâm công bố công nghệ (đây là công cụ giúp thị trường khoa học - công nghệ vận hành hiệu quả hơn, giảm rủi ro và tăng kết nối giữa nhà nghiên cứu với doanh nghiệp).

Hình thành được mạng lưới chuyên gia trong một số ngành và lựa chọn các tổng công trình sư trong một số ngành, lĩnh vực có thể có vai trò tác động sâu rộng đến các lĩnh vực của đất nước trong kỷ nguyên mới (đội ngũ này bao gồm các chuyên gia hàng đầu trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế có uy tín cho phát triển công nghệ chiến lược với những năng lực và chuyên môn bổ sung nhau).

4. Kết luận

Công nghệ cao là lĩnh vực mới ở Việt Nam, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nước đang phát triển như nước ta trong việc nâng cao năng suất lao động và rút ngắn khoảng cách phát triển. Tuy nhiên, việc phát triển công nghệ nguồn, công nghệ cao ở Việt Nam vẫn chưa được như mong đợi, còn nhiều hạn chế, bất cập. Bài viết đã khái quát lý luận và thực tiễn, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò kinh tế nhà nước trong nắm giữ công nghệ nguồn, phát triển lực lượng sản xuất mới ở Việt Nam. Bài viết sẽ là những vấn đề tham khảo bổ ích đối với cơ quan quản lý, lập chính sách, nghiên cứu và doanh nghiệp Việt Nam vận dụng và đưa ra được chiến lược và chính sách phù hợp ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹<https://vneconomy.vn/techconnect/ngan-sach-nghien-cuu-khoa-hoc-cong-nghe-cua-viet-nam-van-thap-hon-trung-binh-the-gioi.htm>. Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ của Việt Nam vẫn thấp hơn trung bình thế giới

²<https://phaply.net.vn/chuyen-giao-cong-nghe-tu-cac-tap-doan-da-quoc-gia-mnc-sang-doanh-nghiep-trong-nuoc-tiep-can-phap-ly-so-sanh-va-ham-y-cho-viet-nam-a261307.html>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết 79-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật Công nghệ cao, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.16.

Bảo Bình (2026), Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ của Việt Nam vẫn thấp hơn trung bình thế giới, truy cập tại <https://vneconomy.vn/techconnect/ngan-sach-nghien-cuu-khoa-hoc-cong-nghe-cua-viet-nam-van-thap-hon-trung-binh-the-gioi.htm>.

Phùng Thị Yến (2026), Chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn đa quốc gia (MNC) sang doanh nghiệp trong nước: Tiếp cận pháp lý so sánh và hàm ý cho Việt Nam, truy cập tại <https://phaply.net.vn/chuyen-giao-cong-nghe-tu-cac-tap-doan-da-quoc-gia-mnc-sang-doanh-nghiep-trong-nuoc-tiep-can-phap-ly-so-sanh-va-ham-y-cho-viet-nam-a261307.html>

Ngày nhận bài: 05/04/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/04/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 09/05/2026

THE ROLE OF THE STATE ECONOMY IN OWNING CORE TECHNOLOGIES IN VIETNAM

● LAI TRAN TUNG¹

● VU DINH THUAN¹

¹Military Technical Academy,
Ministry of National Defence

ABSTRACT:

Mastering strategic technologies through the ownership and control of core technologies is not only a driver of economic development but also a critical foundation for safeguarding national security and defense amid intensifying global competition. Vietnam's practical experience indicates that the state-owned economy plays a leading role in controlling and developing core technologies. Despite notable achievements, however, this role continues to face several limitations. Using analytical, synthetic, comparative-statistical, and historical-logical methods, and drawing primarily on secondary data, this article clarifies the theoretical and practical issues related to the role of the state-owned economy in mastering core technologies in Vietnam today, while proposing solutions to enhance this role in the current context.

Keywords: core technology, state-owned economy, new productive forces, Vietnam.